

Bài 77. Kinh Tăng Chi | Chương Bốn pháp | Phẩm Uruvelā | Sư Giác Nguyên giảng 24/6/15

Kinh này có vài điểm để chúng ta lưu ý.

Thứ nhất, nếu chúng ta chỉ đọc bản tiếng Việt thì rất dễ phiền. Bản tiếng Việt là như thế này: một lần đó, khi Đức Phật kể lại cho chư Tăng nghe, Ngài nói:

“Khi Ta mới vừa thành Đạo xong thì Ta có một suy nghĩ như sau: Thật là khó khăn khi sống không cung kính, không vâng lời. Như vậy thì Ta hãy cung kính, đánh lễ, y chỉ vào một vị Sa-môn.”

Cái này nếu mình chỉ đọc bản tiếng Việt thì cực kỳ dễ hiểu lầm. Ở trong bản tiếng Việt thì rõ ràng mình thấy là Đức Phật Ngài than, Ngài than rằng Ngài gặp khó khăn.

Nhưng trong bản tiếng Pāli thì không phải như vậy. Trong bản tiếng Pāli đó là: “Dukkham kho agāravo viharati appatisso.” Đó là một câu. Trong câu này không có cái gì nói về Ngài hết, mà Ngài chỉ nói đến một cái luật đời. Ở đây Ngài chỉ nhắc lại một cái luật đời thôi.

Chữ dukkham ở đây, nếu mình hiểu theo cái nghĩa... có nhiều người họ chỉ biết dukkha là khổ thôi, nhưng ở đây cái chữ dukkham này rất là nhiều nghĩa. Tức là, theo cái luật đời thì thật là không nên, hoặc là thật là bất tiện, thật là có vấn đề, khi một ai đó ở đời mà sống trên đầu không có người để mình tôn kính.

Cái câu đó phải hiểu như vậy đó, chứ câu này hoàn toàn không có nói gì về Ngài hết. Ngài là một vị Chánh Đẳng Chánh Giác, một vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì không có cái chuyện mà Ngài gặp khó khăn gì hết, mà ở đây là Ngài nói luật đời.

Đức tính của bậc đại nhân

Theo giải thích trong Kinh, để trở thành một bậc đại nhân, đại nhân ở đây có nghĩa là những bậc, những nhân cách lớn, thì chúng ta phải hội đủ những đức tánh. Chúng ta

có sự sâu sắc, tinh tế của nước. Chúng ta phải có khả năng bao la vươn tới mọi chiều cao, mọi kích cỡ, mọi chiều kích của bầu trời. Chúng ta phải có khả năng tinh tế của nước.

Khe kẽ nào nước... bỏ vào trong một vật đựng hình tròn, hình vuông, hình lục giác, hình đa giác, hình thang, hình bình hành gì đi nữa, thì khối nước đó, trên hình thức mình lấy mắt mình nhìn, đúng là hình thức của nước lúc đó phải chạy theo vật đựng. Nhưng mà tùy duyên bất biến. Nước trên hình thức thì nó có hình dáng của nước lúc đó, là nó chạy theo vật đựng. Vật đựng hình gì thì khối nước đó hình đó. Tuy nhiên, trả về nguyên gốc thì nước vốn không có hình dạng. Cho nên đó là đức tánh của đại nhân: tùy duyên bất biến.

Rồi thứ hai, bậc đại nhân là phải có tinh thần sống của một bầu trời, là bao la không bờ, không biên tế, không bị giới hạn bởi bất cứ chiều cao và chiều rộng nào.

Và cuối cùng, cái thứ ba, nhân cách của bậc đại nhân phải có tố chất của biển, phải giống như biển. Có nghĩa là luôn luôn sẵn sàng ở vị trí khiêm tốn, khiêm cung, hạ mình để đón nhận cái hay, cái đẹp từ muôn phương, như biển là ở một mặt phẳng thấp nhất trên hành tinh. Cho nên bao nhiêu nước ở hành tinh thì chỗ về sau cùng vẫn là đổ về biển.

Đây là những nét đặc trưng của một bậc đại nhân, tức là họ giống như nước, họ giống như trời, biển. Cho nên đầu đó là một vị Chánh Đẳng Chánh Giác đi nữa, khi nào cần, Ngài xác định, tự xác nhận mình là một vị Như Lai, Chánh Đẳng Chánh Giác, Vô Thượng Điều Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nhưng trong thâm sâu thì Ngài vẫn có một đức tánh giống như biển vậy đó, có nghĩa là khiêm cung.

Còn các bậc đại nhân thì họ lại khác. Hiểu càng nhiều thì thấy ở đời mọi thứ không có cái gì là quan trọng hết.

Cho nên ở đây, vì Thế Tôn là một nhân cách lớn trong hoàn vũ, trong vô lượng vũ trụ, cho nên Thế Tôn có những đức tánh có thể sánh với trời cao, biển rộng, nước sâu. Đó

là đặc điểm của một bậc đại nhân.

Cho nên trong bài Kinh này, đọc cái này mình mới thấy tâm hồn của một nhân cách lớn như Ngài. Ngài nghĩ như thế này:

“Ai trên đời này cũng phải có một đối tượng để mình tôn kính. Như vậy thì trường hợp Như Lai thì thế nào đây?”

Ngay trong tích tắc, Ngài xét thấy rằng người bằng Ngài còn không có thì nói chi là hơn Ngài. Rồi tiếp theo đó là Ngài suy nghĩ:

“Cái đối tượng để Ta tôn kính chính là Chánh Pháp.”

Chư Phật ba đời mười phương cũng thờ kính Chánh Pháp. Và cuối đoạn này Ngài có suy nghĩ như sau:

“Ta là một vị Phật, Ta tôn kính Chánh Pháp. Tuy nhiên, vì rằng chúng Tăng thành tựu sự cao cả nên Ta tôn trọng đặc biệt chúng Tăng.”

Cái câu này rất là quan trọng. Bài Kinh này có hai chỗ rất quan trọng.

Ý một là Thế Tôn có được một tấm lòng khiêm tốn của biển, có nghĩa là trong nhiều đời nhiều kiếp Ngài sống bằng tâm hồn của biển, và luôn luôn hướng đến cái gì cao nhất.

Cái thứ hai là chính Ngài xác nhận rằng Ngài chỉ tôn kính Chánh Pháp, Ngài chỉ thờ lạy Chánh Pháp như chư Phật ba đời vậy đó. Tuy nhiên đối với chúng Tăng, tuy là đệ tử của Ngài, nhưng Ngài vẫn tôn trọng đặc biệt. Là vì sao? Là vì ở trong bản Pāli gọi là mahattam. Ngài Minh Châu dịch là “vì rằng chúng Tăng thành tựu sự cao cả”. Trong bản tiếng Pāli thì xài chữ mahattam, có nghĩa là vì sự vĩ đại của chúng Tăng. Trong Chú giải có nói mahatta là sự vĩ đại ở đây gồm có bốn:

1. Rattaññumahattam có nghĩa là chiều sâu và chiều dài trong công phu tu trì của Tăng chúng.

2.

Vepullamahattam có nghĩa là trong Tăng chúng có đủ thành phần trong đó; vepulla nghĩa là môn môn.

3. Brahmacariyamahattam có nghĩa là sự trong sạch trong đời sống của từng cá nhân trong Tăng chúng, đều thành tựu Tam Học như Phật.

4. Lābhaggamahattam có nghĩa là những gì Tăng chúng có được, Tăng chúng là cái ruộng phước vô thượng của đời.

Như vậy, Ngài nói là Ngài tôn trọng chư Tăng là mahatta, là cái sự vĩ đại của chư Tăng. Sự vĩ đại ở đây trong Chú giải mới nói có bốn:

1. Rattaññumahattam

Một là Rattaññumahattam, là chiều sâu và chiều dài trong công phu tu trì của Tăng chúng.

Thí dụ như mình thấy Ngài tu 20 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp, đó là vị Chánh Đẳng Chánh Giác hạnh Trí Tuệ. Nhưng ở trong Tăng chúng thì cái thời gian tu trì của từng cá nhân đệ tử Ngài cộng lại cũng nhiều lắm chứ đâu có ít. Mặc dù chất lượng thì chỉ là ba-la-mật của Thanh Văn thôi, nhưng mà họ tu rất là lâu, nếu mà gom lại rất lâu.

Và thứ hai nữa là trong Tăng chúng có những vị như Ngài Kondañña. Cái chữ rattañña là lâu dài, lâu năm, thâm niên. Thâm niên ở đây có hai nghĩa. Một là cái thời gian tu trì của tất cả Tăng chúng mà cộng lại thì nó nhiều không kể xiết. Thứ hai nữa là trong Tăng chúng có những vị, đúng là đệ tử của Ngài, nhưng họ cũng là những người niên cao, lập trường, mà là những vị A-la-hán lớn hạ; mà không phải một vị mà nhiều vị như vậy.

Chữ rattaññu ở đây có nghĩa là lâu ngày, lâu năm; lâu ngày trong quá khứ và lâu ngày trong hiện tại thì gọi là rattaññu.

2. Vepullamahattam

Thứ hai gọi là Vepullamahattam, có nghĩa là trong Tăng chúng thành phần nào cũng có.

Nếu mà Thánh Tăng thì vị Thinh Văn, nhưng mà nếu gom luôn cả quý vị phàm Tăng, đó là Tăng hiểu theo nghĩa Tạng Luật, thì trong đó có cả phàm Tăng nữa. Còn cái Tăng mà nói theo A-tỳ-đàm hoặc là nói theo Tạng Kinh thì Tăng ở đây là Thánh Tăng. Còn nói theo Tạng Luật thì Tăng gồm cả phàm Tăng nữa.

Mà nếu gồm cả phàm Tăng thì sao? Thì trong đó gồm có những vị Chánh Đăng Chánh Giác tương lai, Độc Giác tương lai, rồi Chí thượng Thinh Văn tương lai, những cái vị đại nhân tương lai. Cho nên trong Tăng chúng là có đủ thành phần ở trong đó hết, gọi là Vepullamahattam.

3. Brahmacariyamahattam

Thứ ba là Brahmacariyamahattam, là biển thanh tịnh, biển phạm hạnh. Có nghĩa là tuy các vị là đệ tử của Ngài, nhưng mà mỗi lần mà các vị về trước mặt Ngài là một biển công đức, một vòm trời thanh tịnh.

Trong Kinh kể có rất nhiều và rất nhiều lần Ngài Xá-lợi-phất Ngài dặt về 500 đệ tử, Ngài Ca-diếp 500, Ngài Mục-kiền-liên 500, Ngài Kotthita 500, cả mấy chục, mấy trăm vị đại đệ tử về, mà vị nào vị nấy dặt theo 500.

Trong mắt Đức Phật, khi mà Ngài ngồi giữa Tăng chúng mà Ngài nhìn một biển thanh tịnh, Ngài nhìn Tăng chúng bằng ánh mắt như thế nào? Toàn là những vị A-la-hán không, tối thiểu cũng là những vị Tu-đà-hườn, còn không là những vị Bồ-tát. Một cái bối cảnh nhìn hoành tráng, lộng lẫy, chói lòa.

4. Lābhaggamahattam

Thứ tư là Lābhaggamahattam, có nghĩa là những gì mà Tăng chúng có được, từ nhân lành tới quả lành, thì phải nói đó là một biển, cũng là một cái đại dương lớn: nhân lành và quả lành mà Tăng chúng có được.

Vì xét thấy bốn khía cạnh vĩ đại này của Tăng chúng nên Thế Tôn, ba đời chư Phật mười phương, có cái lòng tôn trọng đặc biệt đối với chúng Tăng. Ngài không có chuyện quỳ lạy chư Tăng thì không có, nhưng mà tôn trọng trong lòng là có.

Chẳng hạn như trong đây có ghi rõ thế này, trong Chú giải có nhắc lại là khi mà bà Di mẫu Gotamī trước khi xuất gia, bà tự tay trồng bông vải, rồi tự tay bà dệt, tự tay bà may, tự tay bà nhuộm màu rồi vào cúng dường cho Phật bộ tam y, thì Phật không có nhận. Phật nói với bà như thế này:

“Saṅghe, Gotami, dehi: Dì mẫu hãy cúng dường cho chư Tăng. Saṅghe te dinne: khi mà Dì mẫu cúng dường cho chư Tăng thì ahañceva pūjito: khi mà Dì mẫu cúng dường cho chư Tăng thì cũng giống như là đang cúng dường cho Ta, bhavissāmi saṅgho cā ti: vì Ta cũng là trong cái Tăng chúng ấy!”

Cho nên là trong Kinh giải thích chỗ này rất là rõ. Đó là vì lòng tôn kính chư Tăng đã đành, mà một phần nữa là Đại Bi với các thế hệ về sau, là ngoài Phật ra thì cũng còn đối tượng Tăng chúng, trong đó có đủ thành phần hết.

Thì có những người mình khinh, có những người mình trọng, nhưng mà nếu mà hòa tan vào trong biển thì tất cả đều là biển, nằm trong biển hết, thì mình lại thấy ok. Không phải cái gì trong biển cũng sạch. Phải nhớ, không phải cái gì trong biển mình cũng bỏ vô miệng được, không phải cái gì trong biển mình có thể cầm trên tay, không phải tất cả cái gì nằm trong biển thì mình đều để lên đầu mình được.

Tuy nhiên, nếu mà gom chung để mà nói thì phải nói một vùng biển xanh ngắt, sóng vỗ cát trắng, gió thổi lồng lộng, không khí trong lành, thì chừng đó đủ để mình thấy

đại dương là cả một cái gì đó rất là vĩ đại, rất đáng để mà mình chiêm ngưỡng, chiêm vọng.

Chứ còn tính từng phần, từng phần thì dĩ nhiên có vấn đề trong đó. Nhưng mà nguyên tất cả về biển lớn hết thì là tình hình nó có khác.

Cho nên bài Kinh này rất là đặc biệt. Có nghĩa là mình đeo tượng Phật trên cổ, thờ Phật trong nhà, trong chùa, dựng tháp trong núi, trong non, nhưng mà mình quên có một chuyện, đó là ngay đến Đức Thế Tôn cũng dành cho Tăng chúng một cái sự tôn trọng nhất định. Dĩ nhiên ở đây là đang nói đến các vị hiền thiện.

Cho nên cái bài Kinh này xác định một điều là chư Phật có đối tượng nào để các Ngài tôn trọng không? Có chứ. Đó là chư Phật là một trong ba bảo, chư Phật.

Là Phật Bảo nhưng Ngài vẫn dành sự tôn trọng nhất định cho Tăng chúng. Còn riêng đối với Pháp Bảo thì đó chính là đối tượng tôn kính hàng đầu của chư Phật ba đời. Như vậy thì Đức Phật đối với Tam Bảo, Ngài cũng có lòng tôn trọng.

Tượng Phật thì đeo trên cổ, theo tôi, nếu các vị là người chí thân, thân thiết nội bộ, thì tôi cũng nói thiệt là đừng có đeo trên người. Bởi vì thân mình là bất tịnh, rồi mình mang tượng Phật vào ở trong những chỗ bất tịnh thì nó là điều bất xứng. Đó là chuyện thứ nhất.

Chuyện thứ hai nữa, cái lòng tôn kính Tam Bảo phải được thể hiện như thế này: đừng có nằm ngồi cao hơn cuốn kinh. Thí dụ như mình đọc sách rồi mình để cuốn sách đó nằm ở trên ghế là không có nên. Mình đang nằm trên võng rồi mình để cuốn sách trên ghế là không có nên. Mình đọc xong rồi mình để lên trên giá, trên kệ, trong tủ đựng hoành. Tập cái đó cho nó quen.

Về cái điểm này thì tôi phải nói rằng tôi có thành tựu được cái này, thành tựu được cái lòng tôn kính đối với Pháp, có nghĩa là kinh sách, đặc biệt là kinh điển. Đặc biệt là các vị có rình mò, các vị cũng không bao giờ thấy mà tôi để một cuốn kinh ở trên

sàn nhà hay là ở trên cái chỗ thấp hơn chỗ tôi ngồi, tôi nằm hết đó. Tôi lấy xuống, tôi đọc xong rồi tôi cũng để trên cái chỗ rất là đàng hoàng.

Và đây cũng chính là một cái hay mà cũng là cái dở của tôi, có nghĩa là tôi rất là quý sách. Cho nên dầu sách đời, sách đạo tôi cũng rất là trân trọng. Và nó trở thành cái trở ngại cho tôi, đó là tôi khó cho ai mượn sách, bởi vì tôi không biết họ sẽ hành hạ, sẽ đối xử cái cuốn kinh, cuốn sách đó ra sao.

Rồi điều thứ hai nữa, phải nói rằng nhiều lần và rất nhiều lần, tôi ở bên Mỹ và ở bên châu Âu mà tôi có suy nghĩ, tôi có cái suy nghĩ đại. Tôi nghĩ: “Trời, cái này nếu mà nhà cháy thì tôi sẽ cầm cái gì tôi chạy ra trước?”

Ở bên Mỹ thì tôi có cái bộ Nam Truyền Đại Tạng, có nghĩa là bộ Tam Tạng tiếng Pāli mà được dịch sang tiếng Hán. Thì cái gì mất còn tìm được, còn cái bộ đó thì tôi nghĩ rất là khó. Cho nên ở bên cái chỗ trú xứ bên Mỹ, tôi dự trù nếu đêm hôm mà phát hiện hỏa hoạn, thì tôi sẽ đập vỡ cái kiếng của cửa sổ và cũng đập vỡ luôn cái tủ sách đó để tôi hốt, tôi liệng cái tủ đó ra ngoài sân để cho bảo quản. Tối thiểu nhà cháy cũng còn lại được cái tủ Đại Tạng. Tức là trong lòng mình cuối cùng, rốt ráo cũng phải chừa lại một cái gì đó.

Tôn kính Tam Bảo đúng mức

Cho nên là bài kinh này mở ra cho chúng ta nhiều vấn đề lớn để chúng ta suy tư trong đời sống. Và cái tôn kính ở đây không có phải chỉ biết là quỳ lạy. Đối với Phật thì mình chỉ biết lạy, nhưng mà mình không có để ý học hỏi, suy nghĩ, học đòi noi theo cái hạnh lành của Ngài thì không có được.

Rồi không phải mình chỉ có tôn kính mấy cuốn kinh, mà mình còn phải biết suy tư, nghiền ngẫm ở trong đó. Mình phải biết kinh đó nói cái gì trong đó nữa, rồi suy tư học hỏi, nghiền ngẫm, hành trì, thì cái đó mới gọi là tôn kính Pháp một cách đúng mức.

Giống như lạy Phật chưa đủ, mà còn phải thường xuyên suy tưởng về ân Đức Phật nữa. Tại sao gọi là Phật? Tại sao gọi là Arahant? Tại sao gọi là Như Lai? Chứ còn mà quỳ lạy, kiếm những chất liệu đắt tiền như là bảo thạch, quý kim để về tạc tượng, đúc tượng, trong khi đó mình không hiểu cái hồng danh của Ngài, rồi cũng không có hiểu được cái căn bản giáo lý của Ngài thì cũng kẹt quá.

Rồi Pháp cũng vậy, mình bỏ tiền ra mình ấn tống kinh sách, rồi mình thỉnh sách về mình bao bì, rồi mình kiếm một cái tủ thiết là đắt tiền, mình làm đủ trò hết, nhưng mà mình không có chịu lắng tai, học hỏi Chánh Pháp, không có biết ghi chép, không có biết ghi nhớ, không có biết hành trì, thì như vậy cái sự tôn kính Chánh Pháp cũng có vấn đề, cái kiểu tôn kính đó có vấn đề.

Rồi đối với chư Tăng, không phải mình gặp chư Tăng mình xá chào là xong, mà mình phải nhớ rằng tôn kính ở đây nó có hai. Một là với những vị mà trong sạch, những vị mà thành tựu các cái thiện pháp, các cái công đức tu hành, thì mình tôn kính theo kiểu khác. Còn vị nào mình không có rõ hoặc là mình thấy không xong thì mình cứ nhớ rằng họ là một phần của biển lớn. Chỉ nghĩ như vậy thôi, họ là một phần của biển lớn. Chỉ nghĩ như vậy.

Và nếu cần thì suy nghĩ luôn: thay vì mình nói đó là sư hổ mang, thì mình nghĩ ngược lại là con hổ mang này nó biết làm sư. Chỉ vậy thôi, cũng là một cách.

Trong kinh kể, ba đời mười phương khi mà còn Bồ-tát, gặp cái lá y là các Ngài đã tôn kính. Dầu lá y đó được khoác lên một cái cá nhân bầy hầy, bê bối, bụi bặm cỡ nào, nhưng mà căn bản là mình cũng phải kiêng nể ba phần. Kiêng nể ở đây không có phải là mình phải quỳ lạy, mình cúng dường, không phải. Nhưng mà mình cũng không nên có cái ý mà coi như bất kính kiểu mà chà đạp, thì cái đó là nó cũng gieo một cái chủng tử không có lành.

Chứ không phải tôi nói như vậy tôi kêu các vị đi kiếm mấy ông ác tăng phá giới rồi quỳ lạy, rồi hôn chân, rồi cúng dường, rồi cung đốn suốt đời. Không phải, tôi không

có xúi dại như vậy!

Ở đây kinh này kể ít, còn nhiều kinh khác thì kể nhiều hơn. Tôi gom kể luôn một lúc, là tất cả các vị La-hán không có thể nào mà đứng dậy chào hỏi, mời ngồi, cúi đầu trước cái người cư sĩ được, đầu đó là cha mẹ hay là vua chúa. Bởi vì vị La-hán mà có một thái độ như vậy là sẽ làm cho người kia coi như là tôn đức mà nghiêm trọng.

Cho nên bữa hôm...

Mình có học rồi, đó là Ngài Mahā-Kaccāyana. Có lần đó, nhiều ông Bà-la-môn lớn tuổi đến hỏi rồi trách Ngài: “Nghe nói hình như là rất nhiều vị Tỷ-kheo đệ tử của Sa-môn Gotama, trong đó có Ngài nữa, không có đứng dậy chào đón, hỏi thăm, mời ngồi, cung kính các cư sĩ lớn tuổi.”

Thì Ngài không có nói rõ, mà Ngài chỉ giải thích thế nào là bậc trưởng thượng, thế nào là người khả kính, thế nào là người đáng được mời chào ở trong Phật pháp vậy thôi. Chứ Ngài không có nói ra cái điều mà họ không có tin, đó là nếu một cái bậc mà tu trì cả trăm ngàn đại kiếp như vậy đó, như các vị Đại thánh văn, mà chỉ cần có một cái thái độ mà hạ mình trước một cái kẻ mà phạm phu cư sĩ, thì coi như cái người đó có thể bị cái đầu họ bị vỡ 7 mảnh, trong Kinh ghi như vậy.

Mà cái chỗ này thì đối với nhiều người trong room này nó hơi phong thần, cho nên tôi không có dám mà cũng không có muốn nói ra ở đây. Bởi vì tôi nghĩ cái đối tượng mà đang nghe, tôi được biết có những người là Thiên Chúa, có những người là cán bộ nữa, cho nên mình bắt họ phải nghe những điều này mình hại họ. Bởi họ không tin, rồi họ hoang mang, họ nghĩ Phật giáo sao mà có nhiều cái chuyện ngộ quá. Tôi không có đành, tôi không có nỡ. Cho nên khi mà tôi thuyết pháp, tôi giảng Kinh, tôi tránh mấy cái chuyện nó hơi có tính phong thần.

Sa-môn bất kính vương giả

Thì ở trong đây là chỉ nói vắn tắt là các vị đại đệ tử của Thế Tôn còn không như vậy đối với cư sĩ, Sa-môn bất kính vương giả, thì nói chi Thế Tôn là bậc Vô thượng Điều ngự, thì Ngài đâu có làm chuyện đó.

Cho nên là có nhiều người, có nhiều lần có những vị Bà-la-môn lớn tuổi đến gặp Ngài, họ cũng nói hơi trách trách vậy đó: “Chúng tôi nghe nói hình như là Ngài Sa-môn Cồ-đàm hình như là chưa bao giờ mà đứng dậy rồi mời ngồi, chào hỏi cung kính những vị khách viếng lớn tuổi.”

Thì Ngài cũng tránh, Ngài không có nói. Ngài không có nói cái vụ mà tổn đức, mà Ngài chỉ nói rằng cái định nghĩa của Ngài thì cái người trưởng thượng, cái người đáng được mời chào, kính lễ, thân nghinh, phải là cái người có thành tựu những cái đức lành về tâm linh.

Tôi nhắc lại một lần nữa là tùy người mà Phật định nghĩa một cái vấn đề theo cái cách khác nhau, dù trên tinh thần vẫn là một. Ở đây Ngài định nghĩa cái chữ trưởng thượng bằng cách đưa ra bốn cái tiêu chuẩn là giới hạnh, đa văn, thiên định và thánh trí.

Ở đây Ngài nói cái chữ trưởng thượng mà đáng để cho người ta mời chào, cung kính, thân nghinh, thì phải là hội đủ 4 cái điều kiện này: một là giới hạnh phải trong sạch; thứ hai là phải đa văn, phải có cái gì đó nói cho người khác nghe, chứ còn ầm a ầm ớ, ù ù cạc cạc, thì lấy cái gì cho người ta học đây. Cho nên giới hạnh là để cho người ta noi theo, đa văn là để cho người ta nghe, còn thiên định đó là để người ta bắt chước, còn thánh trí là để người ta hướng tới.

Cho nên ở chỗ này, cái chữ trưởng thượng mà theo định nghĩa của Ngài, phải là người mà thành tựu những cái đức lành, những cái giá trị tâm linh.

Chánh Kinh bản tiếng Việt: Nay các Tỷ-kheo, nếu trưởng lão là 80, 90, 100 tuổi đời mà nói phi pháp, phi chân, phi nghĩa, phi luật, nói những lời không đáng giữ, những

lời không hợp thời, không hợp lý, không giới hạn, không liên hệ mục đích, thì vị ấy chỉ gọi là trưởng lão ngu thôi. Nhưng thôi, mình né, mình không có nhắc tới.

Bốn điều kiện tác thành trưởng lão

Thì ở đây Ngài nói rằng ở trong cái định nghĩa của Ngài về cái chữ trưởng thượng, cái kẻ mà đáng được mình kính lễ, mời chào, thân nghinh, thì phải là có 4 cái thành tựu sau đây:

1. Một là giới hạnh, có nghĩa là thân nghiệp, khẩu nghiệp phải nói là hoàn hảo.
2. Thứ hai là vị này phải có cái đa văn, ở đây có nghĩa là có cái kiến thức để tự mình hành trì và có thể đem chia sẻ cho người khác, đủ kiến thức để mà tự lợi, lợi tha, tự ngộ rồi độ tha.
3. Cái thứ ba là vị này phải có thành tựu thiền định.
4. Rồi cái thứ tư là vị này thành tựu thánh trí, không còn phiền não, không có luân hồi nữa.

Thì 4 cái điều kiện này tiếng Pāli gọi là cattāro therakaraṇā dhammā, được gọi là therakaraṇā dhammā, tức là cái pháp mà tác thành trưởng lão, những cái điều kiện làm nên một người đáng gọi là trưởng thượng.

Ở trong đây Ngài nói rất là rõ, muốn được gọi là trưởng thượng thì ngoài 4 điều kiện ấy ra, phải là người:

1. Kālavādī: ăn nói đúng lúc.
2. Atthavādī: nói điều có nghĩa lý.
3. Bhūtavādī: nói đúng cái sự thật.
4. Dhammavādī: nói đúng Chánh pháp, Kinh điển.

5. Vinayavādī: nói đúng Giới luật.

6. Atthasamhita: điều nói ra có lợi ích cho cái người nghe.

Nói lời có lợi ích

Nếu mà mình xét theo tinh thần Phật pháp thì hôm nay, mỗi lần mình gặp nhau là mình trót quớt. Thờ Phật, gặp nhau là A phải có cái gì đó cho B nghe, và B phải có khả năng lắng nghe. Hoặc là nếu mà được thì ngược lại, B cũng có cái để nói và A cũng sẵn sàng nghe điều lợi ích.

Còn ngày hôm nay, nói thiệt là tăng tục gặp nhau thì có bao nhiêu phần trăm về thời gian và về con người mà chúng ta gặp nhau, chúng ta nói mà lợi ích cho đối phương? Nói toàn chuyện tào lao không.

Mà có một cái tiêu chuẩn duy nhất để xác định là lợi ích hay không, dễ lắm, tức là sau cái cuộc chia tay nhau, mình về mình nhớ lại xem mình có bỏ túi được cái gì hay ho cho cái đời sống tâm linh, tinh thần hay không. Thì cái đó mới gọi là cuộc gặp gỡ tốt đẹp.

Còn những cái email, những cái cú phone, những cái message, những cái tin nhắn, những cái cuộc gặp gỡ, những cuộc đối thoại, đàm luận mà sau khi

Tàn cuộc rồi đôi ngả phân ly, âm dương cách biệt, mà hai người về hai phương mà coi như trụi lủi, không có gì bỏ túi, toàn là nói chuyện tào lao không, thì cái trường hợp ấy được gọi là cuộc gặp gỡ của những con muỗi: chỉ vo ve nhưng mà vô nghĩa, và tiếng kêu của con muỗi nó chỉ báo trước cho cái gì đó bất an, bất ổn thôi.

Và tôi nói hoài, có nhiều người cái phone của họ giống như chim cú báo tang vậy đó, nó không có lợi ích, nó không có vui gì hết trơn.

Kinh Thế Giới

Kinh Lokasutta: Đây các Tỷ-kheo, thế giới được Như Lai chánh đẳng giác, Như Lai không hệ lụy đối với thế giới. Đây các Tỷ-kheo, thế giới tập khởi được Như Lai chánh đẳng giác — “chánh đẳng giác” ở đây là động từ — được Như Lai hiểu, được Như Lai giác ngộ tới nơi tới chốn; thế giới tập khởi được Như Lai đoạn tận; thế giới đoạn diệt được Như Lai cũng hiểu tới nơi, tới chốn, mới được Như Lai giác ngộ.

Có nghĩa là Như Lai đã thấu hiểu toàn bộ thế giới này qua Bốn Đế, tức là mọi thứ ở đời đều là Khổ, mọi đam mê của mình trong đời đều là đam mê trong Khổ; còn đam mê trong Khổ thì còn tiếp tục Khổ; muốn thoát khổ thì đừng đam mê nữa. Sống bằng ba nhận thức này được gọi là Con đường thoát khổ.

Ngài thấy rõ bốn điều này, nên được gọi là Ngài hiểu thấu vô lượng vũ trụ qua tinh thần Bốn Đế, mà theo trong cái văn của Chánh Kinh là Ngài hiểu rõ thế giới tập khởi, thế giới đoạn diệt là vậy đó.

Ngài có nói thế này: Đây các Tỷ-kheo, bất cứ cái gì mà chúng sanh ba đời mười phương trong vô lượng vũ trụ, ở trong tiếng Pāli kêu là *aparimāṇasu lokadhātūsu*, có nghĩa là vô lượng vũ trụ, thì bất cứ cái gì trong vô lượng vũ trụ ấy, từ chúng sanh đến không phải chúng sanh, rồi từ vật hữu thức cho tới vô tri, tất thấy đều nằm gọn gàng ở trong 5 uẩn cũng được, hoặc là trong 12 xứ, 18 giới, trong 4 đế, trong 12 duyên khởi.

Trong đó, bất cứ cái gì cũng là không nằm ngoài ra cái 6 căn, 6 trần hết. Ở trong Chú giải có ghi rõ như vậy, trong đó không có cái gì mà nằm ngoài 6 căn, 6 trần hết.

Chư Phật biết rõ bất cứ cái gì mà chúng sanh thấy bằng mắt, nghe bằng tai, ngửi bằng mũi v.v. là nhân duyên cho thiện ác, buồn vui thế nào.

Nghĩa là sao? Có nghĩa là Ngài nhìn thấy tất cả, không sót một cái gì hết. Thí dụ như Ngài nhìn thấy một cái hành tinh mà cách đây 1 tỷ năm ánh sáng, ở đó chúng sanh nó không có ăn cơm, mà nó uống toàn là dầu lửa không hà, thí dụ như vậy, thì Ngài nhìn

cái dầu lửa đó, Ngài biết: “À, cái dầu lửa này nó là cái cảnh vị, nó là cái cảnh sắc, nó là cái cảnh thanh vừa ý cho cái chúng sanh ở đây.”

Rồi Ngài biết rằng cái dầu lửa đó mà đem về cái hành tinh này mình đang ở thì đem để người, thì nó là cái cảnh bất toại; đem để bỏ vô miệng là cảnh bất toại; nhưng mà đem cho người ta để người ta xài, người ta bán thì đó là cảnh như ý. Ngài biết rõ như vậy đó.

Chỉ có 1 lít dầu lửa thôi, mà ở một cái hành tinh nào đó thì đó là cái thức ăn, thức uống của người ta, còn ở cái hành tinh này thì nó là để đổ xăng, đổ vô máy. Ngài biết rất rõ.

Rồi bông hoa, rồi cây trái, thực phẩm, chim muông, súc vật, phi cầm, điều thú, cò bay máy cựa, sông núi, kinh rạch, tất thấy mọi thứ, trăng sao hoa lá, Ngài nhìn Ngài biết cái này là cảnh sắc, cái này là cảnh thanh, cảnh khí; cảnh sắc này nó là bất toại với người này, mà nó là như ý với người kia.

Mà hễ bất toại mà đối với phàm phu là cái nhân sanh tâm sân, mà cái như ý đối với phàm phu là nhân sanh tâm tham. Ngài biết không sót một cái gì, Ngài biết tình tường mọi thứ qua cái nhìn của một cái vị mà hiểu thấu Bốn Đế.

Rồi trong đây mới giảng rõ cho mình thấy, chính vì vậy cho nên có chỗ Ngài dạy chữ Như Lai có 4 nghĩa:

1. Ở đây nghĩa một gọi là Như Lai vì đời có cái gì Ngài biết rõ cái ấy, chúng ra sao Ngài biết rõ như vậy, nên gọi là Như Lai.
2. Nghĩa thứ hai là nói sao làm vậy, rồi làm sao thì nói vậy, nên gọi là Như Lai.
3. Nghĩa ba là những điều Ngài dạy trong câu nói đầu tiên sau lúc Thành Đạo đến câu nói cuối cùng trước khi viên tịch có nội dung như một, không chống trái nhau, nên Ngài được gọi là Như Lai.

4. Gọi là Như Lai vì Ngài là nhân vật tối tôn trong tam giới, không có ai tương đương.

Đó là nói bằng cái ngôn ngữ của mình bây giờ. Các vị dò trong bản Chánh Kinh, đây là 4 nghĩa Như Lai. Có những trường hợp Ngài phải nói thiệt về bản thân, nói theo mình thì có vẻ là hơi thiếu khiêm tốn, nhưng mà hoàn cảnh này là phải nói thiệt thôi. Có lúc Ngài phải nói thiệt về Ngài.

Ngài nói: À, Như Lai là như vậy đó, Như Lai là vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Vô Thượng Điều Ngự.

1. Không có cái gì ở trên đời này Như Lai không biết. Đời như thế nào thì Ta biết rõ như thế ấy, nên Ta được gọi là Như Lai.

2. Nghĩa hai là câu nói đầu tiên mà sau khi Thành Đạo cho đến câu nói cuối cùng mà trước khi viên tịch thì nội dung chỉ có một, không có chống trái, không mâu thuẫn nhau, cho nên được gọi là Như Lai.

3. Thứ ba đó là Thế Tôn nói sao làm vậy và làm sao nói vậy. Thế Tôn trước một người hay là trước muôn người không có thay đổi cách sống. Thế Tôn trước bao thiên hạ hay là lui về núi sâu ở một mình, thì Thế Tôn cũng trước sau như vậy.

Có nghĩa là nếu có quay phim, có chụp ảnh, thì Thế Tôn trước một triệu người và Thế Tôn lúc có một mình, không hề có một tí ti thay đổi, từ y áo, đi đứng, ăn uống, sinh hoạt, lúc nào cũng như vậy. Thế Tôn trước hàng triệu thiên nhân cũng vậy, và Thế Tôn có một mình thì cũng như vậy, cho

Nên Thế Tôn nói sao làm vậy, làm sao nói vậy. Cho nên Thế Tôn được gọi là Như Lai, gọi là yathāvādī tathākārī, nói sao thì làm vậy; yathākārī tathāvādī, làm sao thì nói vậy; tasmā tathāgato vuccati, cho nên được gọi là Như Lai.

Như vậy ở đây có bốn nghĩa.

Kinh Kāḷaka

Kinh Kāḷaka này có một duyên sự nó hơi lê thê một chút. Kāḷaka là tên của một khu vườn, mà khu vườn này tiếng Pāli kêu là ārama, nên gọi chung là Kāḷakārama.

Ông Cấp Cô Độc có nhiều con gái, trong đó có một đứa con gái tên là Cūḷasubbhaddā, có nghĩa là Tiểu Hiền Nhi. Vì có một người tên Mahāsubhaddā cũng con ông. Thì cái cô này, cha ruột của cô là ông Cấp Cô Độc, là một vị Thánh cư sĩ, đức tin thuần cố, bất động, bất thối nơi Tam Bảo. Nhưng mà cô đi lấy chồng xứ xa, kiểu chim đa đa đậu nhánh đa đa. Mà cô này lấy chồng xứ xa, cô này từ Sāvatthi mà đi làm dâu ở xứ Sāketa.

Tội nghiệp lắm. Bởi làm thân con gái là vậy đó, tức là nhà giàu, xinh đẹp, có thân thế cỡ nào, nhưng mà tới hồi mà đi lấy chồng thì nhiều khi mười hai bến nước, mà gặp bến nào thì trôi bến đó thôi. Thì cái chuyện xưa mà cũng còn không thoát được cái này.

Thì cô này trong đây có nói thế này. Cô này đi làm dâu một cái gia đình mà tà kiến, mà ông cha chồng của cô này là thờ mấy cái ông du sĩ lừa thế, tức là trụi lủi, không có mặc gì hết. Bây giờ các vị muốn biết mặt mũi của mấy ông đó ra sao, các vị đi về Ấn Độ, nó đầy ra ngoài đường, coi cho biết để mở mang kiến thức. Bên Ấn Độ là cái xứ đạo mà, cái đạo gì cũng có hết, từ cái đạo mà thậm thâm vi diệu cho đến cái đạo tào lao thiên tướng, cái đạo nào cũng có hết.

Thì cái cô này từ Sāvatthi mà đi về Sāketa để lấy chồng, mà cái ông cha chồng là người tà kiến ngoại đạo, thờ mấy ông lừa thế. Thì trước cái ngày cổ vu quy, cái cô này vào lạy Phật và cô nói thế này:

“Con đi làm dâu mà cái gia đình này con thấy cũng không có xong đâu. Cho nên con mong rằng khi nào mà con có cái lòng mà nghĩ tưởng đến Thế Tôn thì xin Thế Tôn cũng nghĩ tưởng tới con.”

Trong đây có cái câu đó. “Nghĩ tưởng” ở đây kêu là āvajjeyyātha bhagavā, Đức Thế Tôn hãy nghĩ tưởng tới con khi mà con có cơ hội làm phước, thì xin Thế Tôn nghĩ tưởng tới con.

Nàng nói vậy xong rồi nàng lạy tạ Đức Phật rồi nàng đi lấy chồng. Rồi nàng về làm dâu bên bên. Mà cái bữa đó, ông cha chồng rước năm trăm cái ông lỏa thể này về ông cúng dường. Thì nàng thấy nàng chịu không nổi, nàng mới có cái thái độ không có đẹp, không có cung kính. Trong đây nói rõ lắm mà tôi không có dịch vì kỳ quá đi. Vì nàng là một vị Thánh Tu-đà-hườn mà bây giờ nàng làm cái chuyện này. Không dịch thì bà con nói. Là kheḷam pātetvā, có nghĩa là nàng nhổ nước bọt; nivattitvā attano vasanaṭṭhānameva gatā, rồi mới trở về phòng riêng của mình.

Thì cái ông cha chồng khó chịu lắm. Ông mới hỏi:

“Tại sao mà đối với quý thầy mà sao con làm cái gì kỳ vậy?”

Thì nàng mới nói rằng:

“Con thấy mấy vị này không có phải khả kính như cha nghĩ đâu. Nếu mà cha có dịp cha gặp sư phụ của con thì cha thấy tình hình nó khác dữ lắm. Con mong có dịp là cha được gặp. Chứ còn mà sao con không hiểu sao cha đi lạy mấy cái ông này.”

Thì ông bố nói:

“Được rồi, thì cha cho con một cơ hội. Con mời mấy sư phụ của con tới đây đi.”

Nhưng mà nàng hỏi cha định chừng nào. Thì ông muốn làm khó nàng, cho nên ông nói:

“Ngày mai được không?”

Ông biết rằng trong toàn chốn này không có chùa Phật giáo, cho nên ông mới nói là ngày mai đi. Nhưng mà ông không có ngờ đó là nàng nghe vậy nàng mừng lắm. Nàng là Thánh cư sĩ, nàng tuyệt đối tin nơi Đức Phật. Nàng mới tắm gội sạch sẽ, nàng mới

lên lầu cao, tay cầm tám nắm hoa gom lại thành bó lớn. Nàng mới cầm mấy bó hoa đó nàng mới khấn:

“Thế Tôn ở phương nào xin chứng cho con. Ngày mai xin Ngài và năm trăm Tỷ-kheo đến nhà con trai Tăng. Ngày xưa con đã xin Thế Tôn cái điều này trước cái ngày con xuất giá, thì con tin chắc là Thế Tôn hôm nay cũng cảm được cái lời khấn này của con.”

Nàng nói rồi thì nàng buông nhẹ mấy cái cành hoa đó trên hư không. Thì cái bó hoa đó bay thẳng về Kỳ Viên, thành ra cái lọng che bên trên Đức Phật. Thì Đức Phật Ngài biết, Ngài biết chuyện gì xảy ra rồi.

Thì lúc đó, ông Cấp Cô Độc ông đi vào gặp Phật, ông nói:

“Bạch Thế Tôn, ngày mai con xin thỉnh Thế Tôn và chư Tăng về nhà con trai Tăng.”

Tại vì mọi khi mỗi ngày có hai ngàn vị tới nhà ông, cái chuyện đó bình thường. Ông đã thỉnh một lần, ông không có thỉnh nữa. Có nghĩa là cái số đó là cái số thường trực. Nhưng bữa nay ông thỉnh là Đức Thế Tôn cùng với chư Tăng về nhà ông trai Tăng, là thuộc về cái duyên sự riêng. Còn cái chuyện mỗi ngày nhà ông có hai ngàn vị tới dùng thì cái chuyện đó là ông không có kể tới, cái chuyện đương nhiên. Mà lâu lâu ông hay thỉnh Đức Phật về nhà ông cúng dường.

Thì Ngài nói:

“Không có được. Vì ngày mai này là Ta phải về nhà trai Tăng ở nhà của Cūḷasubhaddā là con gái của người đó.”

Thì ông Cấp Cô Độc ông ngạc nhiên, ông nói:

“Con gái con lấy chồng ở Sāketa xa lắm!”

Thì Đức Phật Ngài nói:

“Biết rồi, xa. Nhưng mà giữa một cái người mà Như Lai và vị Thánh đệ tử thì không có cái khoảng cách như người nghĩ.”

Cho nên ở đây, trong đây mới có cái câu hay kinh khủng:

Dūre santo pakāsentī
himavanto'va pabbato

Cái người mà có cái duyên, có cái tịnh tín, thì đầu ở xa ngàn dặm thì lúc nào cũng lừng lững, sừng sững như là cái núi Hy-mã-lạp-sơn vậy đó.

Asantettha na dissanti
rattim khittā yathā sarā

Còn mà đã vô duyên, vô phước, thiếu công phu tu hành thì...

Mình chìm lìm trong bóng đêm giống như cái mũi tên trong đêm tối vậy đó. Có nghĩa là mũi tên mà trong đêm tối thì nó còn cái nước non nào nữa để mà nhìn. Còn một bên thì nó lừng lững và sừng sững như là cái ngọn núi vậy đó.

Mà nói thiệt, chẳng hạn như bây giờ mà nói tới Việt Nam thì lập tức là tôi liên tưởng đến những tâm hồn, đến những nhân cách mà tôi sẽ phải gặp đầu tiên khi tôi đặt chân về xứ. Rồi nói tới Mỹ thì ai là người mà tôi nghĩ đến đầu tiên khi mà tôi đặt chân về đó. Nghĩ đến châu Âu cũng vậy. Khi đặt chân đến một cái tỉnh thành nào, chuyện đầu tiên là tôi nghĩ đến những nhân cách nào, những cái ân tình nào, những cái cá nhân nào, những cái đạo hạnh nào.

Trong đây nói rất rõ: khi mà đã có duyên với nhau, khi có cái đạo hạnh công phu rồi, thì mình cứ sừng sững, lừng lững như núi Tuyết Sơn, như dãy Hi-mã-lạp-sơn. Mà khi đã không có gì rồi thì mình cũng bé mọn và vô hình, vô tướng như là mũi tên mà bay lạc trong bóng tối. Rất là đặc sắc.

Thì ông nghe vậy ông mừng lắm, ông nói:

“VẬY xin Ngài hãy độ, hãy giúp cho con gái của con dùm.”

Ông nói rồi ông lạy tạ, ông đi về. Thì sau khi ông về rồi, Ngài gọi Ngài Ānanda, Ngài nói:

“Ānanda, chuẩn bị thông báo cho 500 Tỷ-kheo có lục thông đi cùng với Như Lai đi về xứ Sāketa để mà trai Tăng ở nhà của Cūḷasubhaddā.”

Thì sau khi mà đến đó trai Tăng, Đức Phật Ngài đi đến đâu là dứt khoát có đầy sự nhân duyên ở đó. Ngài đi đến nơi rồi Ngài thuyết Pháp, thì cái ông cha chồng của nàng Cūḷasubhaddā lập tức chứng quả Dự Lưu, và ông khẩn cấp trong tích tắc cúng dường cho Thế Tôn cái khu vườn mà lâu nay ông dành cho mấy ông lỏa thể. Và ông ra nói nhỏ nhẹ:

“Xin các vị tìm chỗ khác dùm, chứ chỗ này chúng tôi đã hiến cúng cho Thế Tôn rồi.”

Và từ đó trong đó có thêm cái chùa gọi là Kāḷakārāma.

Thì sau đó chư Tăng biết được chuyện này, chư Tăng mới bàn luận với nhau, nói rằng:

“CÓ những cái đại sự nhân duyên như thế này thì mình mới thấy được cái đức lành của Thế Tôn. Chúng ta không thể nào tưởng tượng mình có một bậc Đạo Sư, một cái nhân cách lớn như vậy; một bậc Đạo Sư mà đang ở Sāvatti mà có thể dùng cái tâm chiêu cảm, bằng cái tâm thông để mà nhận lời trai Tăng của một người đệ tử ở xứ xa vậy đó.”

Thì lúc đó Đức Phật Ngài thấy rằng đã đến lúc mà Ngài thuyết Pháp cho chư Tăng. Ngài thuyết Pháp, chúng ta mới nghe và chưa có hết đâu, cái chuyện này còn lớn chuyện lắm. Đó là Đức Phật Ngài biết rõ rằng hôm nay khi Ngài đi nhận cái lễ trai Tăng như vậy là Ngài sẽ độ được cha chồng của Cūḷasubhaddā, rồi Ngài sẽ giúp cho rất là nhiều người, tối thiểu là 84 ngàn nhân thiên chứng Đạo Quả. Và đồng thời Ngài

biết rằng hôm nay là Ngài sẽ có cái cơ hội để Ngài thuyết giảng một cái sự thật mà đủ để làm cho rung động cái thế giới này.

Cứ mỗi lần mà Ngài nói lên một sự thật về Ngài như vậy thì quả địa cầu nó rung động. Bắt đầu Ngài mới nói đến cái kinh này đây, là kinh Kālakārama. Ngài nhắc lại cái nội dung kinh này giống kinh trước thôi:

Một, Ngài xác nhận không gì trong đời này Ngài lại không biết.

Hai, Ngài xác nhận tất cả những gì về chúng sanh lớn bé trong đời biết được bằng sáu căn, Ngài đều biết rõ.

Tại sao Ngài nhấn mạnh đến sáu căn? Thay vì Ngài nói là cái gì Ngài cũng biết, mà Ngài lại nói rất rõ. Thí dụ như Ngài biết rất rõ rằng là cái con trùn, con giun, con giòi, thì tụi nó gần như là không có cái đời sống tinh thần như là những chúng sanh khác. Gần như vậy, hầu như là nó chỉ sống bằng các cái giác quan vật chất thôi. Ngài biết rất rõ đời sống của những cái loài cực kỳ thấp kém đó: con giòi, con trùn, con giun.

Cả cái đời sống cực kỳ vi tế của một cái vị Phạm thiên ở cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Trong Trung Bộ Kinh, Ngài nói rất rõ: nếu mà không có người như Ngài thì chúng sanh trong đời làm sao mà biết rằng có một cái sự tồn tại của một cảnh giới gọi là Vô Sắc; ở đó chỉ có tâm chứ không có hình dáng, sắc tướng gì hết.

Cho nên ở đây, thay vì Ngài nói một cách đơn giản là “cái gì Ta cũng biết”, thì Ngài nói rằng tất cả cái gì mà chúng sanh trong đời này biết được bằng sáu căn thì Ta đều biết hết. Là có những cái loài cơ hồ nó sống bằng xúc giác thôi.

Thí dụ như mình thấy mấy con sò, mấy con ốc, mấy con hào, con oyster mà bám vào trong đá. Coi như là mình nhìn nó phớt qua, nó giống như là đá, mấy cái vảy của đá tảng ngoài biển thôi. Nhưng mà những người mà họ khai thác hào, họ lấy đồ họ gõ nó, họ gõ cho nó vỡ ra rồi họ móc cái ruột nó ra. Có khi họ móc ruột tại chỗ, vỏ họ

bỏ. Rồi có khi họ gõ như thế nào đó mà họ đem luôn cái vỏ về để họ bán cho mấy cái nhà hàng.

Cho nên mình nhìn mấy con đó mình hãi hùng. Hãi hùng ở chỗ nào? Là cũng là chúng sanh trong đời, mà chúng sanh gì mà mình thấy làm con ốc sên là mình đã thấy nản rồi, mà làm con giun trong đất là mình đã thấy nản rồi. Mà ít ra mấy cái con này thình thoảng nó còn thấy nắng mặt trời, còn có gió thổi. Còn cái con hào không biết nó sống kiểu gì mà coi như là bên ngoài của nó chỉ là một lớp vỏ cứng như đá vậy đó, rồi nó nằm bên trong đó mà nó sống cho hết cái tuổi đời của nó, thì tôi không biết rằng mình mà đã vô trong đó rồi thì cái đời sống tâm linh, tinh thần của mình nó còn cái nước non gì nữa để mà nói, hỡi trời!

Thì tất thấy những đời sống mà tăm tối, mịt mù, âm u rất đỗi ấy, cho đến cái cảnh giới tâm linh cao sâu vời vợi của bậc Hiền Thánh trên cõi Ngũ Tịnh Cư, hay trong

Cái tâm hồn của những vị Chánh Đăng Giác, Độc Giác, Thinh Văn trong ba đời mười phương thì tất thấy đều không nằm ngoài cái lưới trí lồng lộng, không biên tế của chư Phật Chánh Đăng Chánh Giác. Cho nên vì thế mà các Ngài mới được gọi là Chánh Đăng Chánh Giác là vậy đó.

Thì khi mà Ngài đã xác nhận gần như vậy thôi: “Trên đời không gì Ta không biết, và tất cả Ta đều biết.” Khi Ngài nói như vậy thì cái hành tinh này nó rung động. Trong Kinh gọi là udakapariyantam akampittha, nó lắc cho đến mí nước, có nghĩa là cái chỗ nào là đất thì nó rung lắc, và có vô lượng chúng sanh đã đắc chứng.

Đắc chứng cái gì? Họ nghe cái gì mà họ đắc? Mình nghe vậy mình trót quớt, nhưng mà cái người hữu duyên họ nghe họ đắc. Họ đắc cái gì?

Cái này cũng Kinh nó nói: khi họ thấy vậy đó, khi mà họ nhìn thấy 32 hảo tướng, ánh mắt đó, âm thanh đó, Thánh Chúng chói ngời, lộng lẫy, lấp lánh, lung linh đang trước mặt họ như vậy đó, tất cả những cái này nó đã tạo nên một cái bối cảnh tâm thức cho họ hoan hỷ. Và trong hoan hỷ đó, những người hữu duyên họ mới ngộ ra một điều: vĩ

đại như Thế Tôn mà cũng còn nằm ở trong cái vòng Khổ đế; hình hài gồm bao nhiêu hảo tướng ấy cũng có là do Tập đế; mà ở đâu có Khổ, có Tập thì ở đó còn có vấn đề để nói. Muốn không còn Khổ, không còn Tập thì chỉ có là bỏ Khổ và Tập, tức là nhìn Khổ thì bỏ Tập. Trong cái nhận thức này, chỉ cần thấy rõ Một Đế, họ đủ duyên Ba-la-mật chứng luôn Bốn Đế!

Người hữu duyên chỉ nhìn sâu Một Đế, tự nhiên thấy rõ Ba Đế còn lại. Hiểu được Bốn Đế cũng là cùng lúc hiểu Mười hai duyên khởi, không như nhiều người ngộ nhận rằng Thỉnh Văn chứng Thánh nhờ hiểu Bốn Đế, Độc Giác chứng Thánh nhờ hiểu Mười hai duyên khởi.

Cái này phải xác định rõ: người mà hiểu Một Đế là hiểu ngay Ba Đế kia, có nghĩa là hiểu Bốn Đế. Mà hiểu Bốn Đế thì tức khắc hiểu được Mười hai duyên khởi.

Hiểu là như thế nào? Vị ấy hiểu được rằng nếu ta tiếp tục vô minh trong Bốn Đế thì ta còn tạo nghiệp thiện ác. Mà còn tạo nghiệp thiện ác thì ta còn có tái sinh. Mà còn có tái sinh là còn có 6 căn, 6 trần. Còn có 6 căn, 6 trần thì còn thọ, rồi từ đó ra 6 ái, 4 thủ, 2 hữu, tứ sanh là noãn, thai, thấp, hóa. Và hễ còn quần quanh trong tứ sanh thì chúng ta bèn tiếp tục vô minh trong Bốn Đế nữa. Cứ như vậy nó làm thành một cái vòng không có mối nối. Cho nên Bốn Đế, Mười hai duyên khởi không có rời nhau.

Bây giờ tôi nhắc lại, tại sao nó không có rời nhau? Là bởi vì Bốn Đế, cái thứ nhất, Khổ đế là gì? Mọi hiện hữu là Khổ. Từ cái cây kim, cọng tóc, lá me, lá bàng, lá chuối, lá môn, lá mít, cho tới kinh rạch, sông ngòi, chim cò, bò bay máy cưa, phi cầm, điều thú, mặt trăng, mặt trời, tinh tú, thiên thể, tất cả đều là 6 trần, tất cả đều là Khổ. Nó đang là Khổ đã đành, mà nó ngọt cũng là Khổ gián tiếp. Bởi vì muốn mà không được cũng Khổ, được rồi giữ không được cũng Khổ, mà bản thân cái sự có mặt của mọi thứ đã là Khổ, là vì không có cái gì nó đứng yên, mọi thứ nó đang ở trong một cái chu trình đi tới, đi vào cái sự biến diệt.

Cho nên thấy rằng mọi thứ là Khổ, cho nên thích cái gì cũng là thích trong Khổ. Mà càng thích trong Khổ là càng đầu tư trong Khổ. Muốn Hết khổ thì đừng có đầu tư nó nữa. Như vậy cái cứu cánh Hết khổ đó chính là sự vắng mặt của niềm đam mê.

Mà khơi khơi tự nhiên nó hết đam mê hả trời? Không! Phải sống bằng ba cái nhận thức kia, ba cái nhận thức về Ba Đế trước. Ba cái nhận thức kia là: mọi thứ là Khổ, thích cái gì cũng là thích trong Khổ, muốn Hết khổ đừng thích trong Khổ nữa. Thì muốn sống trong ba cái nhận thức đó, chúng ta chỉ có một con đường duy nhất, đó là Tứ Niệm Xứ!

Buổi đầu đi biết là đi, ngồi biết là ngồi, nằm biết là nằm, giận biết là giận, thương biết là thương, ghét biết là ghét, ghen biết là ghen, tiếc biết là tiếc, hết! Rồi khi mà cái duyên nó đủ rồi thì tự nhiên mình thấy đi là Khổ, muốn đi là Tập; sân là Khổ, ghen là Khổ, mà thích là Tập. Cứ như vậy, tự nhiên mình thấy cả cái thế giới này nó quần quanh trong Khổ và Tập. Khi mà mình thấy như vậy, tự nhiên mình hiểu ra cái thứ ba: muốn Hết khổ thì đừng có Tập nữa!

Cho nên cái Kinh này nếu mà hiểu như vậy, mình biết tại sao mà Ngài nói có hai chuyện này mà có tới 8 muôn 4 ngàn người đắc Đạo, là vì họ ngộ ra mấy cái này.

Còn mình nghe như là vịt nghe sấm, không biết gì hết, tại vì cái Ba-la-mật mình yếu quá đi.

Kinh Phạm Hạnh

Bài Kinh này sâu lắm.

Tôi nói lại lần nữa, tại sao mà quý vị phải đi học lớp Kinh Tạng, không phải là lớp này, mà là bất cứ lớp nào. Tại vì nếu mà không có mấy lớp này, quý vị có kiếp nào quý vị chịu siêng mà mò vào đọc mấy cái bài Kinh này không? Mà nếu không có ngồi lại nghe, hoặc là đọc mấy bài Kinh này thì có kiếp nào quý vị biết Kinh điển?

Không có bỏ sót chuyện gì trên đời hết. Cái gì cũng có được nhắc đến trong Kinh điển. Chẳng hạn như bài Kinh Phạm Hạnh này, mình đọc cái bài Kinh này mình mới hiểu: ồ, Tăng Chúng là cái gì? Và tại sao phải tôn kính Tăng Chúng? Và mình phải có một cái nhìn rõ hơn về cái gọi là người không tóc.

Chứ còn cứ mơ mơ hồ hồ, một hồi thì cuồng tín, thờ lạy người không tóc, rồi tới hồi mà bất mãn, nổi cơn lên thì chà đạp Tăng Bảo. Cả hai đều là thái độ cực đoan nên tránh. Trong khi đó mình phải rõ ràng, thiên hạ nói chung, Phật giáo nói riêng, nó giống như khu rừng vậy đó, nó đủ thứ hết trơn, thượng vàng, hạ...

Cám, từ bảo thạch, quý kim cho đến rác rưởi, đất đá, cát sỏi, tất thảy đều có. Cho nên mình phải biết như vậy. Mình sống ở đời nó có cảm thông, “đạo cảm thông chẳng thể nghĩ bàn”. Mình sống phải có cái cảm thông, phải có cái bao dung, phải có cái rõ ràng, phải có cái tinh tường, thì mình sống nó rất là ok. Còn một hồi thì cầm đầu, cầm cổ thờ lạy không điều kiện, rồi tới hồi mà bất mãn, nổi điên lên thì chà đạp bất phân, bất kể quân thần, thì cái đó là không có được.

Ở đây Ngài nói rõ:

“Này các Tỷ-kheo, cái đời sống Phạm hạnh này là được thực hiện không phải vì mục đích lừa dối quần chúng, không vì mục đích mơn trớn quần chúng, không phải vì mục đích được danh lợi cúng dường, không vì mục đích mong người ta biết đến mình.”

Bữa hôm tôi giảng cho các vị nghe về ba cái hạng đầu đà, là phát nguyện cả đời này chỉ ăn đồ khát thực, cả đời này không sống dưới mái che, cả đời này chỉ sống ở chỗ không có mái che: dưới gốc cây, rừng rú hay là hang động; không ăn trên mâm, chén, đĩa, tô mà chỉ ăn trong bát khát thực; cả đời này chỉ mặc y bằng vải lượm, tự mình may, giặt, nhuộm. Đó là hạnh đầu đà. Tuy nhiên cái hạnh đầu đà nó chia làm ba hạng: hạng một là hạ, rồi trung và thượng.

1. Bạc hạ là sao?

Có nghĩa là sống hạnh phúc nhưng mà còn phải lệ thuộc người. Có nghĩa là chỗ nào có đệ tử, có ruột rà, có nội bộ hộ trì thì mình mới có thể trì cái hạnh phúc ở đó được. Hạnh phúc đúng, nhưng trong sự hộ trì.

Y áo thì mình mặc vải lụa thôi, nhưng mà đệ tử nó thấy y cũ, rồi nó kiếm vải mới mới, nó liệm để cho mình lụa về mình may. Có trường hợp đó, chuyện đó có. Tức là cũng hạnh phúc nhưng mà đệ tử cứ là về nó nấu yến, nấu súp, nấu lẩu đặc sản, xong rồi cứ canh đi bát, nó ra nó để, cho yến, cho lộc nhưng, v.v. Rồi nó về nó tắm. Xong rồi còn y áo thì nó coi thấy y cũ cũ, nó kiếm một mớ vải mà tốt tốt, vải lụa tơ tằm, nó mua bên Thái, bên Miến đem về, nó cuộn, nó liệm đằng sau hè, rồi nó gõ ba cái rồi nó vọt mất. Cái mình ra mình lụa vô, cái mình may.

Đó là hạnh phúc bậc hạ, có nghĩa là cũng có ly dục nhưng mà còn lệ thuộc đệ tử.

2. Bậc hai, bậc trung.

Có nghĩa là không có lệ thuộc đệ tử, nhưng mà còn thấy cái chỗ nào dễ sống và thấy cái chỗ nào mà lòng người, cái nhân tâm dễ chịu thì vị đó ở.

3. Bậc thượng là khó nhất.

Bậc thượng là cũng tiếp tục không sống dưới mái che, cũng ăn đồ khất thực, cũng mặc y áo bằng vải lụa. Tuy nhiên khi phát hiện ở đâu mà người ta có người biết đến mình mà mình có thể nấp cái tâm dính mắc thì bỏ đi. Có nghĩa là ở đâu người ta cúng dường thì nhận, đúng, nhưng mà ở đâu mà thấy nó có dấu hiệu của cái sự tôn kính đặc biệt, của cái sự phát hiện, rồi bắt đầu có dấu hiệu thần tượng, là vị ấy phải bỏ đi, vì vị ấy không muốn người khác biết nhiều về mình.

Các vị mới thấy là đời sống Phạm hạnh mà nghiêm túc là không có đợi người khác biết về mình, cái đó mới là thứ thiệt. Còn đằng này là mình không giữ tiền, mình ngồi thiền, mình mà làm được cái hạnh này, hạnh kia hay hay, nhưng lén lén mong trong bụng, mong cho người ta biết là mình là như vậy đó, thì cái đó chưa khá.

Một người con gái ngoài đời cũng vậy, mình có nét thiệt là một mình trong rừng vắng giữa đêm khuya vẫn tiếp tục có nét, cái đó mới gọi là yếu điệu thực nữ. Người xuất gia cũng vậy.

Cho nên ở đây Ngài nói rằng:

“Đời sống Phạm hạnh này là sống không phải vì mục đích tạo ra một cái vỏ bọc hào quang, không vì mục đích lừa dối quần chúng, không vì mục đích mong đợi người khác biết mình, mà với mục đích là chế ngự, đoạn tận, ly tham, đoạn diệt.”

Thì trong Chú giải mới giải thích cái chỗ này: đời sống Phạm hạnh này là nhắm đến pañcahi samvarehi, tức là 5 pháp phòng ngự, rồi tīhi pahānehi là 3 pháp đoạn tận. Chú giải nhắc đến nhưng mà Chú giải lại không có kể ra.

5 pháp phòng ngự này trích dẫn từ Tīkā của Tăng Chi:

1. Pātimokkhasamvara: Giới bốn phòng ngự.
2. Satisamvara: có nghĩa là Niệm phòng ngự.
3. Nāṇasamvara: là Tuệ phòng ngự.
4. Khantisamvara: là Nhẫn phòng ngự.
5. Viriyasamvara: Cần phòng ngự.

Có nghĩa là người tu giống như ở chiến trường vậy đó. Khi chuyện đến thì mình phải giải quyết, mà khi chuyện chưa đến thì mình phải có khả năng phòng ngự. Cư an tự nguy là lúc bình thường cũng phải luôn nghĩ đến khi bất trắc. Bốn chữ này rất đáng để quý vị xăm lên người, hoặc là viết ở trong phòng treo giữa nhà.

Thì ở đây cái đời sống Phạm hạnh này Đức Phật Ngài hướng dẫn, Ngài dạy dỗ cho mình là luôn luôn sống bằng 5 cái pháp phòng ngự:

1. Cái phòng ngự thứ nhất là Giới bốn phòng ngự.

Có nghĩa là khi vị Tỷ-kheo có được trong sạch trong Giới, tự nhiên bản thân người đó cũng được sống trong cái vòng bảo vệ từ hai phía.

Thứ nhất, từ phía cuộc đời. Cuộc đời không thể nào tấn công, thị phi không thể nào tấn công một cái vị mà họ sạch sẽ hết đó. Bởi nhiều khi mà mình bị tấn công, mình có sạch hay không? Nếu thấy nó dơ quá thì thôi kệ nó, nó bị tấn công là phải rồi, không bị tấn công mới lạ!

Cho nên cái chuyện đầu tiên là mình trong sạch Giới Luật là mình không sợ thị phi tấn công.

Thứ hai là đối với vấn đề sanh tử là mình sạch sẽ thì lỡ mà mình có mà tắt thở thì mình cũng ra đi với một cái áo giáp.

Cho nên cái chuyện đầu tiên là Giới bốn phòng ngự là vậy đó.

2. Cái thứ hai là Niệm phòng ngự.

Có nghĩa là trong cái đời sống thường nhật này, ai mà thường chánh niệm thì

Chắc chắn ít khổ mà nhiều vui hơn kẻ thất niệm.

Đây là một sự thật 100%, tôi bảo đảm cái này. Tôi không cần biết quý vị là nam phụ lão ấu, là đại gia, là ăn mày, là thầy tu hay là cư sĩ, tôi không cần biết. Tôi chỉ biết một điều chắc chắn như 10 ngón tay, đó là: kẻ chánh niệm thì chắc chắn là khổ ít mà nhiều vui hơn là người thất niệm. Đây là một sự thật.

Bởi vì sao? Tham, sân đều làm cho khổ, khổ tâm, khổ thân. Nhưng mà riêng về cái chánh niệm thì hễ chánh niệm ở đâu thì thiện tâm ở đó. Cái này tôi tin chắc là tôi có một cái đầu, tôi biết tôi có hai tay, hai chân và có 10 ngón tay, 10 ngón chân. Tôi tin chắc chắn như vậy. Tôi có một mẹ và một cha, tôi tin chắc chắn như vậy!

Cho nên, cái phòng ngự bằng Giới luật là một chuyện. Nhưng mà cái thứ hai là cái phòng ngự bằng Chánh niệm, là một kiểu phòng ngự.

3. Phòng ngự bằng Tuệ

Thứ ba là Nāṇasaṃvara. Minh niệm không cũng chưa có đủ, mà được cái thứ ba còn tuyệt vời: biết rõ buồn vui, thiện ác này đều là do duyên tạo rồi cũng sẽ do duyên mà nó mất đi. Biết rõ cái này chỉ là 6 căn, 6 trần, do duyên mà có, có rồi mất đi. Biết rõ như vậy đó. Biết rõ cái này là thiện, cái này là ác, cái này vui, cái này là buồn. Biết thiện đời này là nhân vui đời sau, mà vui đời này là quả của cái thiện đời trước. Ác đời này là nhân khổ đời sau, mà khổ đời này là quả của cái ác đời trước.

Luôn luôn sống ở trong một cái trí tuệ như vậy đó, liên tục và liên tục như vậy, thì được gọi là Tuệ phòng ngự. Là luôn luôn sống trong cái nhận thức tinh tường về cái bản chất thế giới chỉ nằm trong bốn thứ thôi: biết rõ thiện, ác, buồn, vui. Cả ngày như vậy chỉ có bốn cái ông này chứ không có cái ông thứ năm.

Lúc tham, lúc sân, biết rõ tham, sân; thiện, ác, buồn, vui. Biết cái này là thiện, cái này là bất thiện, cái này là buồn, cái này là vui. Thiện đời này là nhân vui đời sau, ác bây giờ là nhân khổ đời sau. Cứ mỗi lần nổi điên lên cứ nhớ: nhân khổ đời sau. Mỗi lần có cái tâm thiện, biết cái này là nhân vui đời sau. Mà mỗi lần thấy bức mình, đau đớn, buồn tủi, thì biết rõ đây là quả xấu đời trước. Thấy vui vẻ, an lạc, thì biết đây là quả lành đời trước.

Cả ngày mình chỉ có trong cái nhân quả chứ không có gì hết. Cả ngày chỉ có nhân quả thôi. Cứ thiện - ác, buồn - vui là một cặp nhân quả. Cứ đọc như con nít vậy đó, đọc hoài như vậy đó. Nó còn hay hơn là niệm tùm lum ngũ bách hồng danh gì đó, tôi nói không có bằng một phần tử của cái này nữa.

Cứ tối ngày bao nhiêu đó, cứ nhân quả thôi. Khi mà thấy mình bất thiện, biết đây là nhân xấu cho quả khổ đời sau. Mà thấy có thiện là biết ngay đây là nhân lành cho cái quả vui đời sau. Mà mỗi lần bị buồn khổ, biết rằng đây là cái quả xấu của nhân ác đời trước. Thấy vui vẻ, an lạc, biết rằng đây là cái quả lành của cái nhân thiện đời trước. Cứ như vậy.

Như vậy thì mình có nhiều cái phòng ngự: phòng ngự bằng Giới, phòng ngự bằng Niệm, phòng ngự bằng Tuệ, rồi tới phòng ngự bằng Nhẫn.

4. Phòng ngự bằng Nhẫn

Đức Phật Ngài dạy rằng cái vũ khí tốt nhất của Sa-môn chính là Nhẫn. Không có một cái vũ khí nào trên đời này nó bằng Nhẫn.

Dĩ nhiên nói như vậy không có nghĩa là mình đưa cái lưng cho chúng nó đánh, mà tát bên phải đưa cái má bên trái cho nó đánh. Không có phải! Mà Nhẫn ở đây là, muốn tu Nhẫn xin đọc kỹ bài Kinh Trung Bộ số 2, Nhất Thiết Lậu Hoặc, tức là có trường hợp vị Tỷ-kheo phải đương đầu với cái vấn đề, có trường hợp Tỷ-kheo phải giải quyết bằng cách là tránh né cái rắc rối đó.

Thí dụ như mình thấy giáp mặt với người này là sẽ có chuyện gây gổ rồi ghen tuông, thôi tránh. Đó là có trường hợp mình phải tránh. Nhưng có trường hợp mình phải đối mặt với nó. Thí dụ như bây giờ mình ngồi thiền mà nó đau quá, nó nóng quá, nó lạnh quá mà mình bỏ cuộc hay sao? Thì lúc đó mình phải coi cái trường hợp này ta nên đối phó hay là ta nên bỏ đi. Thì Nhẫn là như vậy.

Người tu là có Từ, có Nhẫn. Nhưng mà tôi xin các vị nhớ, người tu phải có Trí. Tu hạnh nào cũng phải có Trí bên cạnh. Biết rõ lúc nào là nên Từ Bi, nên cẩn thận chịu đựng; lúc nào nên quán chiếu, trầm tư; lúc nào nên nghĩ đến chữ buông; lúc nào nghĩ đến chữ cầm. Có cái đó nữa, có cái cầm nữa.

Các vị tưởng tượng đi, tôi ví dụ tôi đang ngồi hít ra thở vào an lạc quá mà, và tự nhiên cái tôi liếc đồng hồ, tôi thấy nó tới giờ giảng. Lúc đó tôi phải cầm chứ tôi không thể nào buông được. Tôi phải cầm, tôi mới: “Thôi tới giờ rồi!” Mình phải chấp một chút, chấp cái giờ, chấp cái lớp. Có cái lớp học và mình phải vào đó để mình nói chuyện, phải vào đó. Đó gọi là cầm, lúc đó phải cầm.

Còn buông là sao? Có những trường hợp mà tôi thấy buông, không nghĩ tới đó nữa, không nghĩ tới cái chuyện đó nữa, thì lúc đó mình biết rõ mình phải buông. Nhưng mà bây giờ đối với lớp học này mà tôi nghĩ tới chữ buông thì còn cái gì nữa? Buổi sáng nghe con khóc mà mình nghĩ tới chữ buông thì ai mà làm sữa cho con bú đây? Buổi sáng mà nghe bà má già bà bị rên siết trong phòng, bà bị liệt mà mình nghĩ tới chữ buông thì ai chăm sóc cho má đây?

Cho nên, lúc nào là lúc nên cầm, mà lúc nào là lúc nên buông. Bạn bè rủ đi chơi là lúc nên buông. Còn người ta rủ đi chùa mình cũng phải suy nghĩ, 50/50. Có những trường hợp nghe người ta rủ, mình phải buông: “Không!” Lắc đầu, say No! Có trường hợp người ta rủ đi làm phước: “Yes!” Chữ không phải lúc nào nghe nói đi chùa là cũng đi, mà cũng không phải nghe đến lúc nào đi chùa mình cũng

Lắc đầu là trật.

Tu hạnh nào, hạnh Trí, hạnh Từ Bi, hạnh Kham nhẫn, hạnh gì tôi không cần biết, lúc nào cũng phải có cái Trí nó đứng kế bên. Bởi vì cái đạo này là đạo của trí tuệ. Bốn Sư của mình là Phật, mà bản thân cái chữ Phật là trí tuệ. Cho nên tu là phải có Nhẫn, nhưng mà Nhẫn nó phải đi với Trí. Tức là trường hợp nào mà mình ngồi yên cho chúng nó đập, mà trường hợp nào mình phải bỏ, mình tránh từ xa, đừng có đưa cái lưng cho nó đập. Chữ không phải tu có nghĩa là thấy ở đâu có đám đá, có dao búa là nhào tới đưa cái lưng: “Nè, nè em, nè anh, nện đi, em đang tu, em đang tu cái hạnh Nhẫn!” Cái đó không có đúng. Vợ chồng mà người ta đang gây rồi nhào vô can để cho nó quỳnh phù mủ hay sao?

Cho nên không có phải lúc nào cũng xách cái Từ Bi, cái Kham nhẫn ra, mà phải hỏi ý cái thằng Trí trước. Mình phải hỏi nó, hỏi chứ cái trường hợp này tôi nên làm sao? Thằng Trí nó phán làm sao thì làm vậy.

Mà Trí nó gồm có ba: Văn, Tư, Tu. Trí Văn là phải có học hỏi, có giáo lý, có bách khoa. Còn Trí Tư là phải có khả năng trầm tư, thẩm thía, gặm nhấm, tiêu hóa. Rồi Trí

Tu là phải có thiền chỉ, thiền quán, phải xếp bằng, phải lim dim, hít thở lai rai, mỉm cười. Chứ còn nói chữ Trí mà không nói rõ, bà con không biết Trí là cái gì? Trí nó có ba: Văn, Tư, Tu. Muốn làm cái gì phải hỏi thẳng Trí chứ, hỏi coi bây giờ tôi phải làm sao?

Cho nên phòng ngự nó có năm: phòng ngự bằng Giới luật, phòng ngự bằng Chánh niệm, phòng ngự bằng Trí tuệ, phòng ngự bằng Kham nhẫn, phòng ngự bằng Tinh tấn. Là sao?

Năm, phòng ngự bằng Tinh tấn: mấy cái phòng ngự trên đây mà nó thiếu Tinh tấn là chỉ có chết. Không có cái ông Tinh tấn, làm ăn được cái gì? Là rỗng đó. Không có cái rỗng này thì không có làm ăn được gì hết. Cho nên cái ông Tinh tấn này được kể là cái pháp phòng ngự thứ năm.

Toàn bộ đời sống phạm hạnh này là nhằm đến năm cái pháp phòng ngự này.

Thứ ba là nhằm đến ba pháp đoạn trừ, gọi là tayo pahāna. Tayo là ba, tức là ba cái đoạn trừ trích xuất từ năm đoạn trừ. Trích xuất là chiết xuất. Bây giờ mình học năm thì nó lòi ra cái ba:

Một, tadaṅga-pahāna có nghĩa là đoạn trừ kiểu đối phó, bệnh đầu thuốc đó.

Hai, vikkhambhana-pahāna có nghĩa là dùng đá đè cỏ, lâu hơn cách một, ám chỉ cho cách người đắc thiền đối phó phiền não.

Ba, samuccheda-pahāna là sự đoạn trừ bằng cách cắt rễ, bứng gốc, ám chỉ cách đoạn trừ phiền não của tâm Thánh Đạo.

Bốn, paṭipassaddhi-pahāna là sự thanh tịnh của tâm Thánh Quả.

Năm, nissaraṇa-pahāna là xuất ly đoạn diệt, ám chỉ Nípàn.

Kể đủ thì có năm, nhưng trong kinh này cái chữ pahāna chỉ cho ba cái điều đầu tiên.

Một, cái đầu tiên, tadaṅga-pahāna, có nghĩa là tu kiểu đối phó. Trong Chú giải giải thích như thế này: thí dụ như tôi giận quá, cái niệm tâm từ; hoặc là thấy thương thích quá, cái niệm bất tịnh; thì đó gọi là tadaṅga-pahāna. Tadaṅga là từ chữ “tan” là ấy, “aṅga” là chi phần, vấn đề, chi tiết, có nghĩa là giải quyết vấn đề theo cái kiểu mà cấp thời.

Như ngày xưa, có một ông vua bên Tàu bị bệnh, thì có một ông thầy thuốc tới chữa bệnh cho ông vua. Ông vua này tính đem quân đi xâm chiếm nước láng giềng mà nhiều người can không có được. Bởi vì một lần đánh như vậy chưa biết thắng hay thua, mà can qua khói lửa chiến chinh, rồi máu đổ thịt rơi, rồi sinh linh lầm than, đồ thán, khổ lắm. Mà can không được.

Mà lúc ông sắp cất binh đi đánh thì ông lại đổ bệnh nặng. Bá quan lo lắm mới kiếm thầy kiếm thuốc cho ông. Thì trong đó có một ông thầy thuốc vốn là một tay biện sĩ, một thuyết khách, một chính trị gia vào gặp ông. Ông đó hỏi thế này:

“Tâu bệ hạ, bệnh bệ hạ thì cũng không có gì gọi là bất trị, tuyệt chứng chữa không nổi. Nhưng mà ở đây có ba cái liệu pháp này xin bệ hạ lựa chọn, thì thần mới quyết định áp dụng cái nào: thứ nhất là chữa bệnh bằng cách là bá đạo, thứ hai là bằng vương đạo, và thứ ba là bằng đế đạo.”

Thì ông vua nói:

“Sao mà y lý, dược phương, y phổ gì đâu mà sao xài cái ngôn ngữ sao nghe nó giống chính trị quá vậy?”

Ông nói:

“Thì bệ hạ cứ nghe từ từ rồi hiểu hà. Trị bá đạo là sao? Trị bá đạo là nó đau đâu thì mình xúc thuốc, xoa xoa nó cho nó hết tại chỗ, rồi mai chiều thì nó tái phát trở lại, thì đó gọi là trị kiểu bá đạo. Còn trị cái kiểu vương đạo là mình phải bắt mạch, mình coi nó là bệnh gì, rồi mình chữa cho nó dứt cái bệnh đó, đó gọi là vương đạo. Cái bá đạo

là thoa xức cho nó tạo cảm giác nhất thời, còn cái vương đạo là nó bệnh gì thì chữa bệnh đó. Còn cái đế đạo là truy nguyên cái bệnh đó, trị từ ngay cái vấn đề của cái gốc. Một cái là trị ngoài vỏ, một cái trị trên ngọn, còn cái đế đạo là trị ở ngay trong cái gốc của nó.”

Sẵn ông nói luôn, ông nói:

“Thần thì không có dám can thiệp vào chuyện chính trị, nhưng mà thần thấy bây giờ mình muốn đất nước mình đang giàu mạnh mà mình cứ lo toàn là chuyện ngoài da, ngoài vỏ, lo toàn là chuyện trên ngọn, không có lo cái chuyện trong gốc thì làm sao mà trị quốc được? Bây giờ mình có được bao nhiêu đất đai, bao nhiêu lãnh thổ mà lòng dân không có yên. Dân như nước vậy đó, nó nâng thuyền được mà nó cũng làm cho chìm thuyền được. Cái gốc mà không có chữa thì cũng khó lắm. Cho nên thần chủ trương chữa bệnh là theo ba cái cách bá đạo, vương đạo và đế đạo.”

Thì ông vua ông nghe như vậy, ông đang nằm ngáp ngáp, cái ông bật ông cười, ông nói:

“Khanh nói thiệt với trẫm đi, cái thằng khỉ nào ở trong triều mà nó mời khanh vô để...”

Mà chữa bệnh cho trẫm? Bây giờ trẫm quyết định không có đánh ai hết trơn, trẫm hiểu rồi. Bây giờ trẫm phải quay về, trẫm lo cái đế đạo, trẫm phải lo củng cố cái đất nước này, chứ mà đấm đá tùm lum mà dân tình thì ta thán, lòng dân thì tan nát, dân không còn tin vào chính phủ trung ương nữa, thì mai này nó sụp tiệm...

Ba cách đối phó phiền não

Thì cái chuyện tu hành đối phó phiền não cũng có nhiều cách.

Cách một gọi là tadan̐ga-pahāna, là kiểu đối phó đau đầu xức đó. Lấy đầu cù là bôi vô rún cho nó hết đau bụng.

Nhưng mà cái cách hai là cù là xài không có được. Cách hai là phải uống dầu vô trong bụng, hoặc làm ly nước gừng. Cách hai là tu tập thiền định, dùng đá đè cỏ. Nhổ thì không chịu nhổ, nhưng mà lấy đá đè, lấy miếng bê tông, mấy cái miếng tôn đè lên vậy thôi. Để trong một thời gian dài, 5 tháng, 7 tháng, thì người ta đi ngang người ta không có thấy cỏ. Đúng. Nhưng mà mai này giờ cái miếng tôn, miếng gỗ, cục đá đó lên thì bắt đầu nó phát triển như cũ.

Thì cách tu tập thiền định, đắc sơ thiền, rồi ngay trong lúc đắc sơ thiền là ngay trong lúc đó không có 5 triền cái. Nếu mà giữ được tới lúc chết, sanh về Phạm thiên, sống được thời gian là 1 phần 3 đại kiếp, cùng lúc đó cũng không có 5 triền cái. Khi mà trở lại đất này là anh tiếp tục có 5 triền cái như cũ, tiếp tục đam mê trong 5 dục, bất mãn trong 5 dục, tiếp tục lười biếng, tiếp tục tiếc nuối, tiếp tục hoài nghi, tiếp tục phóng dật. Cho nên cái tu thiền định nó chỉ là đá đè cỏ, nó gọi là cái cách thứ hai là vikkhambhana, là đè nén.

Còn cách kia gọi là samuccheda-pahāna, có nghĩa là sự cắt đứt, đoạn tận, cắt rễ mà bứng gốc của cái tâm tu Tứ Niệm Xứ, để thấy rằng mọi cái ở trên đời đều là Khổ. Giỏi cách mấy cũng là Khổ, mà ngu như bò cũng là Khổ. Giàu cách mấy, nghèo cách mấy, đẹp cách mấy, xấu cách mấy, khỏe cách mấy, yếu đau bệnh hoạn cách mấy, tất cả đều là Khổ. Thánh phàm đều là nằm ở trong cái vòng Khổ, còn hiện hữu là còn Khổ.

Quán chiếu như vậy để không còn tham thích. Mà hễ không còn tham thích thì không còn ghét sợ. Mà khi không còn tham thích, ghét sợ thì dứt khoát không còn Khổ nữa. Bằng cái Thánh Trí mà làm được việc này thì gọi là cái cách đoạn trừ thứ ba.

Đây là nội dung, là lý tưởng, là mục đích của đời sống Phạm hạnh, nhằm đến 3 cái này. Còn 2 cái kia là cái sự thanh tịnh của tâm, tâm Quả và cái sự vô vi của Níp-bàn, thì cái đó kể ra cho có 5 cho nó sang vậy thôi. Chứ thật ra mục đích tu hành chỉ kể có 3 cái đầu thôi, có nghĩa là:

1. Cách một là tadaṅga-pahāna, đối phó phiền não nhất thời.

2. Cách hai là vikkhambhana, tu tập thiền định để đối phó dài hạn. Dài hạn là cũng không có được, mà phải có.

3. Cách thứ ba là samuccheda, tu tập thiền quán để dứt điểm vĩnh viễn mới là được.

Nội dung của đời sống Phạm hạnh này là gì? Là hướng tới 5 phòng ngự, 3 đoạn tận, rồi tới mục đích ly tham và đoạn diệt.

Ly tham ở đây có nghĩa là không còn thích ở trong bất cứ cái gì trên đời này nữa. Mục đích ly tham ở đây là virāgattha. Chữ attha này hay. Vi là không hoặc là lìa xa, lìa bỏ. Còn chữ rāga là ái nhiễm, tham ái, nhuộm. Còn chữ attha có nghĩa là mục đích, ý nghĩa, mà cũng có nghĩa là đoạn cuối.

Thí dụ như bây giờ mục đích của anh làm cái chuyện đó là cái gì? Có nghĩa là cái phần cuối của công chuyện đó là cái gì? Cái hậu ý đằng sau cái công việc anh làm là cái gì? Cái cuối cùng của công việc đó là cái gì? Cho nên cái chữ attha nó vừa là ý nghĩa mà nó vừa là cái điểm cuối.

Thí dụ như atthagata có nghĩa là sunset, trời lặn, mặt trời nó đã đi đến cái lúc mà hết chỗ đi rồi, là nó đi đến điểm cuối cùng rồi. Nói theo cái kiểu ngôn ngữ người xưa nó hay lắm. Cho nên là nếu mà quý vị học tiếng Phạn, nhìn cái chữ này đã thấy sướng rồi: vi rồi rāga rồi attha. Từng chữ nó rất là hay, mà nói thì mất thời gian quá đi.

Thì mục đích Phạm hạnh là hướng đến sự ly tham, virāgattha. Chữ virāga tương đương virajjana, có nghĩa là không có nhuộm tâm mình bằng tâm tham nữa.

Rồi cái cuối cùng, nirodhattha, có nghĩa là tịch diệt. Nirodha là tịch diệt. Thì cái đời sống Phạm hạnh này phải nhắm tới hai cái đó.

Phật Pháp dành cho người chán sợ sanh tử

Tôi nhắc lại lần nữa, Phật Pháp chỉ dành cho người biết chán sợ sanh tử, chỉ vậy thôi. Không có biết chán sợ sanh tử thì Phật Pháp này tôi năn nỉ đừng có rở tới, là vì 3 lý do.

Thứ nhất, không có chán sợ sanh tử thì mình không có chấp nhận nổi cái lời Phật, vì Phật xúi mình đi ra mà!

Thứ hai, không có chán sợ sanh tử thì có nghĩa là mình đang mê, mình còn mê. Mà nếu còn mê, tại sao mà mình lại dứt cái đầu vô cái con đường mà lìa bỏ làm chi!

Rồi cái thứ ba nữa là cái lý tưởng Phật Pháp đi ngược lại cái đời sống của mình, thì tại sao mà mình phải ngu dại gì mà mình dứt cái đầu vô trong đó.

Cho nên cái Phật Pháp chỉ dành cho một hạng người duy nhất là biết chán sợ sanh tử. Cái kẻ nào còn cầu mong hưởng phúc nhân thiên, còn mong được hưởng trăng thanh, gió mát, là kẻ đó chưa có phải là cầu cái Đạo giải thoát.

Cầu Đạo giải thoát là phải thấy 1 phút hít thở vào ra của La-hán cũng là Khổ thì mới thật sự chán sợ sanh tử, phải đến mức như vậy. Còn như mình còn thấy là mình còn muốn được cái này, cái kia là chết. Mà tôi đã nói tới cuối cùng, mình thấy 1 phút mà hít thở của vị La-hán có cái gì đâu, hít cái thở thôi, đâu có cái gì mà thơm ngon, béo ngọt, bùi giòn gì đâu. Nhưng mà hể còn có mặt là còn Khổ.

Đức Phật dùng hình ảnh

Ngài nói giống như phân người, dầu cho nó là một đồng lớn hay là nó chỉ dính một miếng nhỏ xíu trên đầu cái que, thì Ngài nói nó lúc nào nó cũng là phân, nó lúc nào cũng đáng gớm. Dầu nó là một đồng lớn hay chỉ là một miếng nhỏ dính ở cái đầu que gỗ, thì phân ở đâu cũng là phân.

Ngài nói là bất cứ một cái hình thức hiện hữu nào, dầu thô hay là tế đến mấy thì cũng đều là đáng chán, đáng sợ hết.

Cái người mà không có hiểu Đạo, không học Giáo lý, không hành Tứ Niệm Xứ thì không có tin được cái chỗ này. Các vị sẽ rất là ngạc nhiên là tại sao Đức Phật Ngài nói về cái chuyện sanh tử, cái chuyện mà có mặt ở đời này bằng một cái cách nói rất là khắt khe mà nghiêm túc như vậy. Mà các vị biết được cái này, các vị mới thấy Ngài nói đúng.

Các vị tưởng tượng đi. Cái này tôi đang nói cái kiểu thường thức cho người dốt đặc không biết gì hết, chỉ nghĩ bao nhiêu đây để thấy sợ nè: trong một ngày thì cái tâm ác của quý vị với cái tâm thiện, cái nào nhiều hơn? Chắc chắn là tâm ác nhiều hơn.

Từ đó suy ra, bước ra ngoài đời nhắm mắt quơ tay toàn là người xấu không hà. Bởi vì bản thân mình đã là xấu nhiều hơn thiện, thì bước ra đời người xấu nhiều hơn người tốt. Mà các vị tưởng tượng đi, mình xấu mà chung quanh đều là người xấu thì thử hỏi vậy chứ có cơ hội nào để mình làm thiện không? Rất hiếm, toàn là chuyện tâm bậy không.

Bây giờ các vị có nhan sắc một chút, có tiền một chút, có sức khỏe một chút, có tuổi trẻ một chút, thì thử hỏi các vị có tâm tình nào mà các vị tìm đến với Phật Pháp? Làm ơn trung thực, làm ơn gọi là chân thành với lòng mình một chút đi.

Bây giờ là các vị có tiền, có sức khỏe, có nhan sắc, có tuổi trẻ, có uy tín, có quyền lực, có chức vụ, đặc biệt là có tình cảm nam nữ đang gọi là mùa yêu, thì hỏi có bao nhiêu kẻ mà tìm nghe tiếng chuông chiều thu không? Còn có cái kẻ nào mà chịu nghe Đạo, mà nghe một cái giọng the the, the the, mà ăn nói gọi là bất thành cú như thế này, các vị có chịu nổi không?

Nhưng mà vì các vị chán đời, sợ khổ, cứ room nào giảng cũng nhào vô nghe. Không có mập bề ngang cũng bổ bề dọc, nghe được, bỏ túi được bao nhiêu hay bấy nhiêu.

Cho nên cái Đạo này là dành cho cái người phải là ly tham, dành cho người muốn tịch diệt, dành cho người chán sợ sanh tử. Ác nhiều bao nhiêu thì khổ sẽ nhiều bấy nhiêu. Khi mà cơ hội làm ác nó nhiều hơn cơ hội làm thiện thì cái cơ hội đạo nó lớn

hơn cái cơ hội sanh về nhân thiên. Cái cơ hội mà làm giun, làm trùn, làm giòi, làm bọ nó lớn lắm.

Còn cái chuyện mà mình quay trở lại mà mình gọi là nam thanh nữ tú, tài tử giai nhân, gọi là đủ ăn đủ mặc, có học, có tiền, có nhan sắc, có sức khỏe, rồi có tình yêu, có quyền lực, có chức vụ, tôi xin hứa với các vị cái chuyện đó nó hiếm dữ lắm quý vị nha, hiếm lắm.

Các vị coi trên thế giới này, trên cái hành tinh này của mình diện tích nó là bao nhiêu, và cái số lượng của các loài động vật trên đó là bao nhiêu, trong đó con người nó là bao nhiêu? Chỉ riêng kiến không là người ta tính bằng trăm tỷ trên hành tinh này, trừ ra những vùng mà không có kiến, thí dụ như sa mạc, hay là những vùng băng giá hay là nguồn có nước, mà trừ ra hết, thì bữa tôi đọc người ta thống kê chỉ riêng kiến không là phải tính bằng trăm tỷ, ngàn tỷ. Mà con người thì chỉ có 7 tỷ thôi.

Mà trong 7 tỷ đó có bao nhiêu người sống cho ra người, sống mà có điều kiện về thông tin, muốn đọc gì đọc, muốn nghe gì nghe, không có bị ai chặn, không bị ai tường lửa hết đó? Chỉ cái chuyện đó là không có rồi. Một là không có tiền mua máy. Hai là không có tiền để đi học cách xài máy. Ba, có tiền mua máy, biết cách xài máy thì bị người ta chặn không cho xài máy.

Chỉ riêng cái chuyện mà thông tin là mình đã thua người ta rồi, đã không được làm con người rồi, lại bị lừa vào chuồng để cho người ta chặn rồi. Rồi điều kiện về giáo dục, điều kiện đi lại, điều kiện truyền thông, mình thiếu tùm lum. Chỉ riêng con người thôi đó.

Ở sống một cái xứ mà mình cũng lén lén nghĩ là xứ giàu đó, mà điều kiện y tế thì 3 người nằm chung 1 giường, sản phụ là coi như là châu chực, con nó muốn ra mà bác sĩ không có muốn cho mình vô. Các vị tưởng tượng một cái xứ như vậy, thuốc thì thuốc giả, thuốc dỏm, chém chặt. Một cái xứ bìa rẻ nhất thế giới, mà mì tôm thì ăn

nhiều nhất thế giới, mà sữa cho trẻ em thì đắt nhất thế giới, sữa dỏm, sữa tào lao melamine một ghe.

Một cái xứ sở như vậy, các vị tưởng tượng mình làm người mà có giống người hay không? Đừng có tưởng có hai tay hai chân, biết nói tiếng người, mặc áo mặc quần, là được sống như người. Khó lắm quý vị!

Ở đây tôi nói một cách rất là nghiêm túc, tôi không có mang ý tưởng chính trị chống phá ở đây hết. Đó là sự thật, mình phải nhìn nhận. Người ta nói ở cái vùng nào cũng được, con em người ta ra nước ngoài chữa trị, mà bản thân người ta có gì người ta cũng chạy ra Singapore, người ta đi Mỹ người ta chữa, chứ có ai dám để cho thân nhân người ta ở trong nước người ta chữa đâu?

Cho nên, bao nhiêu cái ác nghiệp nó đẩy mình mang cái thân sanh tử khổ nhiều hơn vui. Mà ngay lúc mang thân người rồi, có bao nhiêu kẻ được sống như người? Kinh nói chứ không phải tôi nói. Kinh nói có những người mang thân người mà sống như chư thiên, mang thân người mà sống như Phạm thiên, mang thân người sống như ngạ quỷ, mang thân người sống như súc sanh, mang thân người mà khổ như địa.

ngục! Chứ không phải là mang thân người, rồi tất cả đều sống như người, cái đó không có!

Cho nên, chính vì chỗ này, đời sống Phạm hạnh là nhằm đến cái chuyện 5 phòng ngự, 3 đoạn trừ, nhằm đến ly tham và tịch diệt.